

Bản án số: 03/2018/KDTM-ST

Ngày: 31/01/2018.

Về việc: *Tranh chấp Hợp đồng  
mua bán*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM – T.P HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Anh Dũng

2. Ông Nguyễn Văn Khiên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 27/2017/TLST-KDTM ngày 03 tháng 5 năm 2017, về việc: **“Tranh chấp hợp đồng mua bán”**. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Q.**

Trụ sở: Tòa nhà X, Khu đô thị Đ, T, L, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn V – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Mai N – Chủ tịch hội đồng thành viên công ty.

**Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại D.**

Trụ sở: Số x, ngõ y K, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Xuân Q — Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng A, sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: T, thành phố Đ, Đ.

## **NỘI DUNG VỤÁN:**

### **\* Công ty Q trình bày:**

Ngày 19 tháng 11 năm 2013, Công ty trách nhiệm hữu hạn Q (Sau đây gọi tắt là “Công ty Q”) và Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương Mại D (Sau đây gọi tắt là “Công ty D”) ký kết Thỏa thuận hợp tác độc quyền: AQ – HQ/01112013 (Sau đây gọi tắt là “Thỏa thuận”) về việc Công ty Q là nhà phân phối độc quyền sản phẩm dinh dưỡng nhãn hiệu Cumart Bio loại 1,2 & 3 cho Công ty D tại Việt Nam. Theo Thỏa thuận, Công ty Q gửi đơn đặt hàng với số lượng tối thiểu mỗi đơn là 14.500 hộp (tương ứng với một công hàng) bằng fax hoặc email. Sau khi Công ty D xác nhận đơn hàng và nhận được tiền thanh toán cho đơn hàng đó, trong vòng 60 (sáu mươi) ngày, Công ty D sẽ chuyển đủ số hàng theo đơn hàng cho Công ty Q tới kho của Công ty Q tại Hà Nội. Đơn giá thanh toán tính theo tỷ giá trung bình các thời điểm mua hàng là 406.070 đồng /hộp. Sau khi ký kết thỏa thuận, từ 28/11/2013 đến 01/07/2014, Công ty Q và Công ty D đã ký 03 đơn hàng với tổng số hàng là 72.500 hộp sữa Cumart 900 gam cho 03 loại số 1, số 2 và số 3 (tương đương với 5 công hàng). Trên cơ sở hoàn toàn tin tưởng đối tác, Công ty Q đã thanh toán đầy đủ trước cho toàn bộ cả ba đơn hàng với tổng giá trị 29.440.081.453 đồng.

Trong khoảng từ 27/05/2014 đến 31/07/2014, Công ty D đã bàn giao cho Công ty Q 04 công hàng. Do chưa có động thái sẽ bán được số hàng đã nhập, Công ty Q đã đề nghị tạm dừng giao nhận công hàng số 5 (gồm số lượng theo đơn đặt hàng số 03 là 14.500 hộp và 765 hộp giao thiếu từ các đơn hàng trước, tổng cộng 15.265 hộp) và đã được Công ty D chấp nhận. Phía D báo khi nào Q muốn nhập hàng thì báo trước từ 4-6 tuần, Công ty D sẽ giao đầy đủ sữa cho Công ty Q. Ngày 15/11/2014, hai bên tiến hành làm việc và ký biên bản thống nhất trong đó có ghi nhận Công ty Q đã thanh toán đầy đủ 29.440.081.453 đồng cho Công ty D và Công ty D còn thiếu 15.265 hộp sữa chưa giao cho Công ty Q. Từ 02/10/2015, Công ty Q đã liên hệ với Công ty D yêu cầu giao nốt số sữa còn thiếu theo công hàng số 5 đã

nói trên đây. Tuy nhiên sau nhiều lần Công ty Q liên hệ qua email trao đổi về việc nhập nốt số hàng còn thiếu trên, thậm chí đề giảm bớt khó khăn trong việc chuẩn bị hàng của Công ty D, Công ty Q còn gợi ý chia nhỏ số hàng của công số 5 và giao trước 5000 hộp trên tổng số 15.265 hộp xong Công ty D bằng một email với nội dung không giao lẻ hàng và sẽ giao đầy đủ số lượng hàng còn thiếu, xong không nói rõ bao giờ sẽ giao mặc dù sau đó Công ty Q tiếp tục gửi mail hỏi về thời gian giao hàng. Theo thỏa thuận đã ký thì Công ty D phải giao đủ hàng cho Công ty An Quận chậm nhất vào ngày 11/01/2016 (trong vòng 60 ngày kể từ ngày D xác nhận qua mail). Tuy nhiên sau đó Công ty D vẫn không giao hàng cho Công ty Q và cũng không có bất kỳ liên hệ nào với Công ty Q.

Ngày 25/4/2016, Công ty Q gửi công văn số 20/CV-DMC xác nhận số lượng hàng Công ty Q đã nhận được từ Công ty D và số tiền đã thanh toán tương ứng, đồng thời yêu cầu Công ty D giao nốt số hàng còn thiếu (15.265 hộp) hoặc hoàn lại số tiền Công ty Q đã thanh toán cho Công ty D tương ứng với giá trị hàng thiếu còn thiếu là 6.198.658.550 đồng. Ngày 28/4/2016, Công ty D phản hồi bằng công văn số 1604/CV/HQ với nội dung đề xuất giải quyết công hàng còn thiếu bằng hai cách: Công ty Q không lấy hàng nữa và Công ty D trả lại số tiền Công ty Q đã thanh toán cho công hàng số 5 hoặc Công ty Q gửi đơn đặt hàng mới và 60 ngày sau Công ty D sẽ giao đủ hàng còn thiếu. Ngay trong ngày 28/4/2016, Công ty Q đã gửi tiếp công văn số 19/CV-DMC yêu cầu được nhận lại tiền đã thanh toán cho công hàng số 5. Tuy nhiên kể từ đó đến nay Công ty D vẫn không trả tiền, cũng không giao.

Công ty Q đề nghị Tòa án như sau:

Buộc Công ty D phải trả lại cho Công ty Q số tiền: 6.198.658.550 đồng mà Công ty Q đã chuyển cho Công ty D nhưng không lấy được hàng và lãi theo quy định pháp luật.

**Công ty D trình bày:**

Ngày 19 tháng 11 năm 2013, Công ty Q và Công ty D ký kết Thỏa thuận hợp tác độc quyền: AQ – HQ/01112013 về việc Công ty Q là nhà phân phối độc quyền sản phẩm dinh dưỡng nhãn hiệu Cumart Bio loại 1,2 & 3 cho Công ty D tại

Việt Nam. Công ty Q đã đặt hàng và đề nghị Công ty D nhập về 05 công hàng và đã thanh toán đầy đủ 29.440.081.453 đồng cho Công ty D.

Trong khoảng từ 27/05/2014 đến 31/07/2014, Công ty D đã bàn giao cho Công ty Q 04 công hàng. Đến ngày 02/10/2015, Công ty Q đã liên hệ với Công ty D yêu cầu giao nốt số sữa còn thiếu theo công hàng số 5 đã nói trên đây. Việc chậm trễ nhập hàng đã khiến chúng tôi bị đối tác đơn phương chấm dứt Hợp đồng, không tiếp tục giao hàng đồng thời cũng không hoàn trả số tiền đã thanh toán cho công hàng thứ 5.

Tranh chấp với đối tác Cộng hòa liên bang Đức là nguyên nhân Công ty D không thể thu xếp được tài chính. Chúng tôi xác định số tiền gốc đã nhận nhưng chưa giao hàng là 6.198.658.550 đồng và trả vào ngày 30/6/2018. Còn tiền lãi thì xem xét giảm trừ.

*Tại phiên tòa:*

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội: Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Tuy nhiên vụ án đã quá thời hạn giải quyết vụ án là      tháng      ngày cần rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty D xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Công ty D.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Sau khi tranh luận và nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***\* Về Thẩm quyền, Tổ tụng:***

Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa là sản phẩm sữa dinh dưỡng nhãn hiệu Cumart Bio loại 1,2 & 3 giữa Công ty Q với Công ty D, có trụ sở tại số 7, ngõ 43 Vạn Kiếp, Hoàn Kiếm, Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty D xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Công ty D.

#### ***\* Về Nội dung:***

Ngày 19 tháng 11 năm 2013, Công ty Q và Công ty D đã ký kết Thỏa thuận hợp tác độc quyền: AQ – HQ/01112013 về việc Công ty Q là nhà phân phối độc quyền sản phẩm dinh dưỡng nhãn hiệu Cumart Bio loại 1,2 & 3 cho Công ty D tại Việt Nam. Thực hiện thỏa thuận, từ 28/11/2013 đến 01/07/2014, Công ty Q và Công ty D đã ký 03 đơn hàng và Công ty Q đã thanh toán đầy đủ trước cho Công ty D toàn bộ 03 đơn hàng với tổng giá trị 29.440.081.453 đồng. Ngày 15/11/2014, hai bên tiến hành làm việc và ký biên bản thống nhất, trong đó có ghi nhận Công ty D còn thiếu 15.265 hộp sữa chưa giao cho Công ty Q. Tại Biên bản hòa giải ngày 17/12/2017 Công ty Q và Công ty D đã xác định nợ gốc chưa giao hàng của Công ty D đã nhận của Công ty Q là 6.198.658.550 đồng theo thỏa thuận đã ký kết. Các bên chỉ không thống nhất là: Công ty Q yêu cầu Công ty D trả lại nợ gốc chưa giao hàng là 6.198.658.550 đồng ngay và tính lãi theo quy định pháp luật. Còn Công ty D đề nghị trả lại nợ gốc chưa giao hàng cho Công ty Q là 6.198.658.550 đồng kể từ ngày 30/6/2018 và xem xét miễn lãi.

Theo thỏa thuận đã ký kết giữa các bên không có quy định về việc tính lãi của số tiền Công ty Q đưa trước cho Công ty D. Việc chậm giao hàng công hàng thứ 5 giữa các bên dẫn đến khi bên Công ty D đặt hàng đối tác Cộng hòa liên bang Đức đã tranh chấp. Ngày 20/02/2017 Công ty Q đã khởi kiện Công ty D và đề nghị

buộc Công ty D phải trả lại cho Công ty Q số tiền: 6.198.658.550 đồng mà Công ty Q đã chuyển cho Công ty D nhưng không lấy được hàng và lãi theo quy định pháp luật. Công ty D có đề nghị trả cho Công ty Q số tiền là 6.198.658.550 đồng kể từ ngày 30/6/2018 và xem xét miễn lãi. Đề nghị của Công ty D là không đảm bảo quyền lợi cho Công ty Q nên không được chấp nhận. Vì vậy, buộc Công ty D phải trả lại ngay cho Công ty Q số tiền nợ gốc chưa được nhận hàng: 6.198.658.550 đồng.

Về lãi: Cách tính lãi suất của số tiền nợ gốc chưa được nhận hàng được căn cứ theo điều 306 Luật thương mại và Án lệ số 09/2016/AL của Tòa án nhân dân tối cao về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 31/01/2018 của 03 Ngân hàng là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam cụ thể là:  $6,6\%/năm + 6,5\%/năm + 6,8\%/năm : 3$  và  $X 150\% = 9,95\%/năm$ . Thời điểm tính lãi từ thời điểm vi phạm của bị đơn và ngày nguyên đơn khởi kiện được tính từ ngày 20/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/01/2018 là 345 ngày. Cho nên, bị đơn phải chịu lãi của số tiền nợ gốc chưa được nhận hàng là 582.971.000 đồng.

**\* Về án phí:** Công ty D phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty Q.

*Bồi các lẽ trên!*

## QUYẾT ĐỊNH

### Căn cứ:

- Khoản 3, Điều 26; khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Khoản 2 Điều 468; Khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.
- Các Điều 24, 35, 37, 42, 50, 55 và 306 Luật Thương mại;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Án lệ 09/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Q đối với Công ty D, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

2. Buộc Công ty D có nghĩa vụ thanh toán ngay cho Công ty Q số tiền nợ chưa được nhận hàng là **6.198.658.550đồng** theo thỏa thuận đã ký kết. Buộc Công ty D có nghĩa vụ thanh toán ngay cho Công ty Q tiền lãi của số tiền nợ chưa được nhận hàng là **582.971.000đồng**. Tổng cộng số tiền là: **6.781.629.550 đồng**.

3. Về án phí: Công ty D phải chịu 114.781.000đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty Q được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 57.434.000 đồng.

4. **Kháng cáo:** Công ty Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tuyên án. Công ty D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm.

- Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục Thi hành án dân sự Hoàn Kiếm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**TRẦN NGỌC HÒA**